TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/DS-ST
Ngày 28-01-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Ông Lê Văn Chi
Ông Trương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị S - sinh năm: 1950. (Có mặt).
- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Bích T - Sinh năm: 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Ông Trần Văn P. (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Phạm Thị S trình bày:

Vào năm 2023, bà Nguyễn Thị S1 có tổ chức chơi hụi do bà S1 làm chủ hụi, vợ chồng ông P - bà T có tham gia chơi 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1, hụi mùa, mỗi chân 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 29/02/2021 (âm lịch), có 21 hụi viên, mỗi năm kêu hụi 03 lần theo vụ lúa. Vợ chồng ông P - bà T tham gia chơi 02 chân.

Chân thứ nhất, hụi kêu đến lần thứ 5 (ngày 29/6/2022, âm lịch), bà T đã lĩnh hụi được số tiền 26.400.000 đồng và đóng lại hụi chết được 07 lần, hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Hiện dây hụi này chưa kết thúc, tính đến ngày 29/6/2025 (âm lịch), bà T còn nợ 01 kỳ đóng hụi chết là 2.000.000 đồng.

Chân thứ 2, hụi kêu lần 8 thì bà T kêu hụi 600.000 đồng và lĩnh hụi được số tiền 31.400.000 đồng, hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi thì bà T đóng hụi chết được 02 kỳ, đến ngày 19/6/2025 (âm lịch) thì bà T chưa đóng hụi, còn nợ lại 01 kỳ hụi chết là 2.000.000 đồng

- Dây hụi 2, hụi mùa, mỗi chân 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 19/01/2022 (âm lịch), có 11 hụi viên, mỗi năm kêu hụi 03 lần theo vụ lúa, bà T tham gia chơi 01 chân, đến lần thứ 04 thì bà T lĩnh hụi được số tiền 12.700.000 đồng, sau đó bà T không đóng hụi nữa. Hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Tính đến ngày 19/5/2025 (âm lịch), bà T còn nợ 01 kỳ chưa đóng là 2.000.000 đồng

Theo đơn khởi kiện, bà S1 yêu cầu ông P và bà T phải chịu trách nhiệm trả tổng số tiền hụi còn thiếu tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 6.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2026, bà S1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P. Bà S1 chỉ yêu cầu bà T phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền hụi còn thiếu tạm tính đến ngày khởi kiện là ngày 19/9/2025 là 6.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại bản tự khai, bị đơn - bà Võ Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận bà có tham gia chơi các chân hụi do bà S1 làm chủ hụi như bà S1 đã trình bày trong đơn khởi kiện là đúng và có vi phạm nghĩa vụ đóng hụi như bà S1 trình bày. Hiện gia đình bà có hoàn cảnh khó khăn nên bà T yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, phần tiền hụi do bà tự giao dịch với bà S1, không liên quan đến ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Bích T phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Bị đơn - bà T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt bận công việc. Xét thấy bà T đã có bản tự khai trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hụi cụ thể như sau: Bà S có mở các dây hụi, bà T trực tiếp tham gia 02 dây hụi mùa do bà S làm chủ hụi.

- Dây hụi 1, hụi mùa, mỗi chân 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 29/02/2021 (âm lịch), có 21 hụi viên, mỗi năm kêu hụi 03 lần theo vụ lúa. Bà T tham gia chơi 02 chân.

Chân thứ nhất, hụi kêu đến lần thứ 5 (ngày 29/6/2022, âm lịch), bà T đã lĩnh hụi được số tiền 26.400.000 đồng và đóng lại hụi chết được 07 kỳ, hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Hiện dây hụi này chưa kết thúc, tính đến ngày 29/6/2025 (âm lịch), bà T đã nợ 01 kỳ đóng hụi chết là 2.000.000 đồng.

Chân thứ 2, hụi kêu lần 8 thì bà T đã lĩnh hụi được số tiền 31.400.000 đồng, hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T đóng hụi chết được 02 kỳ, đến ngày 19/6/2025 (âm lịch) thì bà T chưa đóng hụi, còn nợ lại 01 kỳ hụi chết là 2.000.000 đồng

- Dây hụi 2, hụi mùa, mỗi chân 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 19/01/2022 (âm lịch), có 11 hụi viên, mỗi năm kêu hụi 03 lần theo vụ lúa, bà T tham gia chơi 01 chân. Bà T đã lĩnh hụi được số tiền 12.700.000 đồng, sau đó bà T không đóng hụi nữa. Hoa hồng mỗi kỳ kêu hụi mà chủ hụi được hưởng là 800.000 đồng. Tính đến ngày 19/5/2025 (âm lịch), bà T còn nợ 01 kỳ chưa đóng là 2.000.000 đồng

Bà S khởi kiện yêu cầu bà T phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền hụi còn thiếu của hai dây hụi, tạm tính đến ngày khởi kiện là ngày 19/9/2025 là 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận tính đến ngày 19/9/2025 thì bà còn nợ bà S tổng cộng nợ tiền 02 dây hụi là 6.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại thời điểm giao kết hợp đồng góp hụi các bên hoàn toàn tự nguyện giao kết, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng góp hụi đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo thỏa thuận, khi đến kỳ đóng hụi thì thành viên tham gia chơi hụi phải có nghĩa vụ góp hụi cho chủ hụi, việc bà T đã được lĩnh hụi xong nhưng không góp hụi cho bà S theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia chơi hụi, bà S yêu cầu bà T phải trả số tiền hụi còn thiếu là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường.

Do bà S không yêu cầu bà T phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà S khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp hụi cho bà S tạm tính đến ngày 19/9/2025, tổng cộng là 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà T không trả đủ tiền thì bà T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà T thừa nhận nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và cách thức thanh toán nợ, bà S không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3] Theo đơn khởi kiện, bà S yêu cầu ông Trần Văn P và bà Võ Thị Bích T phải chịu trách nhiệm trả tổng số tiền hụi còn thiếu tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 6.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2026, bà S có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P. Bà S chỉ yêu cầu bà T phải tự chịu trách nhiệm trả số tiền hụi còn thiếu tạm tính đến ngày khởi kiện là ngày 19/9/2025 là 6.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy sự tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S đối với ông Trần Văn P.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận một phần và rút lại một phần và bà S là người cao tuổi nên bà S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Võ Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S đối với bà Võ Thị Bích T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Võ Thị Bích T phải trả cho bà Phạm Thị S số tiền nợ hụi còn thiếu, tạm tính đến ngày 19/9/2025 của dây hụi (mở hụi ngày 29/02/2021 âm lịch) là 4.000.000 đồng và dây hụi thứ hai (mở hụi ngày 19/01/2022 âm lịch) là 2.000.000 đồng. Tổng cộng bà T phải trả cho bà S số tiền hụi là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng).*

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S đối với ông Trần Văn P về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

3.Về án phí:

Buộc bà Võ Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày. Bà S được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 28-01-2026. Bà T và ông P được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG;
- Phòng THADS KV5;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An